

Số: 80371/CT-TTHT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2017

V/v chính sách thuế đối với phí môi  
giới bán hàng

Kính gửi: Công ty TNHH Sie Vina  
(Đ/c: Lô H3, KCN Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội – MST: 0106890994)

Trả lời công văn số SIEV30112017 đề ngày 30/11/2017 của Công ty TNHH Sie Vina (sau đây gọi tắt là công ty) đề nghị hướng dẫn về chính sách thuế đối với phí môi giới bán hàng. Về vấn đề này, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

**1. Về quy định mức giới hạn đối với khoản chi hoa hồng môi giới**

- Căn cứ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

+ Tại Khoản 5, Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp:

*“2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:*

*m) Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt quá 15% tổng số chi được trừ. Tổng số chi được trừ không bao gồm các khoản chi quy định tại điểm này; đối với hoạt động thương mại, tổng số chi được trừ không bao gồm giá mua của hàng hoá bán ra.*

...”

- Căn cứ Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế.

+ Tại Khoản 4, Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13.

*“4. Bãi bỏ điểm m khoản 2 Điều 9.”*

+ Tại Khoản 1 Điều 6 quy định điều khoản thi hành:

*“1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.”*

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty TNHH Sie Vina thành lập ngày 29/06/2015, trong quá trình hoạt động có phát sinh các khoản chi hoa hồng môi giới cho bên thứ ba thì khoản chi hoa hồng môi giới này không bị khống chế mức chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

**2. Về khấu trừ thuế TNCN đối với khoản chi hoa hồng môi giới**

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

+ Tại điểm c khoản 2 Điều 2 quy định các khoản thu nhập chịu thuế:

*“2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công*



Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm: ...

c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng môi giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiền dịch vụ quảng cáo; tiền dịch vụ khác, thù lao khác.”

+ Tại Điều 25 quy định về khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế:

“1. Khấu trừ thuế

Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập, cụ thể như sau:

a) Thu nhập của cá nhân không cư trú

Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập chịu thuế cho cá nhân không cư trú có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả thu nhập. Số thuế phải khấu trừ được xác định theo hướng dẫn tại Chương III (từ Điều 17 đến Điều 23) Thông tư này.

b) Thu nhập từ tiền lương, tiền công

b.1) Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần, kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ ba (03) tháng trở lên tại nhiều nơi.

b.5) Số thuế phải khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được xác định theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này; của cá nhân không cư trú được xác định theo Điều 18 Thông tư này.

i) Khấu trừ thuế đối với một số trường hợp khác

Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.

Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

+ Tại Khoản 1, Điều 18 quy định về thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú:

“1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp công ty ký hợp đồng với cá nhân để

môi giới bán hàng với các doanh nghiệp Hàn Quốc kinh doanh tại Việt Nam và cá nhân được hưởng tiền hoa hồng môi giới thì thu nhập của cá nhân được xác định là tiền lương tiền công. Đề nghị công ty căn cứ tình trạng cư trú của cá nhân theo quy định của luật thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam để khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân nếu khoản trả từ 2.000.000đồng/lần trở lên (đối với cá nhân cư trú) hoặc 20% trên thu nhập trước khi trả (đối với cá nhân không cư trú).

Trường hợp cá nhân môi giới là cá nhân cư trú đồng thời là nhân viên của công ty có ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên thì toàn bộ tiền hoa hồng môi giới được cộng vào cùng với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân để thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân và công ty thực hiện khấu trừ theo hướng dẫn tại tiết b.1, điểm b, Khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC nêu trên.

### 3. Về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN

- Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

*“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.*

*1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:*

*a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.*

*b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.*

*c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt*

...”

Căn cứ quy định trên, trường hợp công ty phát sinh khoản chi hoa hồng môi giới cho tổ chức, cá nhân để môi giới bán hàng với các doanh nghiệp Hàn Quốc kinh doanh tại Việt Nam thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT/BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính nêu trên.

Trường hợp còn vướng mắc, đề nghị công ty liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 – 187 Giảng Võ để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Sie Vina được biết và thực hiện./

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6; 3)

